

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày 06 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/04/2018 tại đường dẫn. http://gelex.vn/financial_report

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã kiểm toán

Người đại diện theo pháp luật/

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Tuấn Anh

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

GELEX

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64 /GELEX-TGD

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau
thuế trên báo cáo riêng năm 2017 so với
năm 2016

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) là công ty đại chúng quy mô lớn, hiện đang thực hiện giao dịch cổ phiếu trên thị trường HSX – mã chứng khoán GEX.

Tổng Công ty chúng tôi xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo riêng năm 2017 so với năm 2016 như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 là 369.308.348.713, đồng; tăng 63.801.819.553, đồng, tương đương mức tăng 21% so với năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do Tổng Công ty nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia từ các Công ty con trong năm 2017 nhiều hơn năm 2016.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC *T. Am*



Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 49

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Hoa Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Giám đốc Điều hành	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.


Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61355749/19516923

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 17 tháng 2 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1



Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.138.781.640.369	2.387.487.256.005
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	131.524.793.836	1.952.418.381.205
111	1. Tiền		131.524.793.836	307.418.381.205
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.645.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		278.177.363.847	242.046.708.523
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	282.274.722.247	197.046.708.523
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(4 097 358.400)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	45.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		703.475.846.579	182.141.870.759
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	248.917.093.713	163.450.273.240
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.011.540.693	1.636.721.863
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	359.000.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	103.932.514.556	11.054.875.656
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7,8,9	(10.385.302.383)	-
140	IV. Hàng tồn kho	11	16.425.519.542	326.486.935
141	1. Hàng tồn kho		16.425.519.542	326.486.935
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.178.116.565	10.553.808.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		702.002.083	99.327.985
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.466.481.532	10.444.847.648
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		9.632.950	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.468.161.781.863	3.027.652.236.271
220	I. Tài sản cố định		104.913.296.329	214.620.593.551
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	104.913.296.329	214.620.593.551
222	Nguyên giá		209.731.903.459	319.258.326.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(104.818.607.130)	(104.637.733.406)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	13	233.036.881.965	138.705.542.050
231	1. Nguyên giá		263.078.643.191	148.649.765.571
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(30.041.761.226)	(9.944.223.521)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.919.124.001	4.455.651.410
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	4.919.124.001	4.455.651.410
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	5.098.212.303.521	2.638.243.819.355
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.042.632.140.092	1.971.025.617.177
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		69.285.387.977	681.940.062.485
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(13.705.224.548)	(14.721.860.307)
260	V. Tài sản dài hạn khác		27.080.176.047	31.626.629.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	27.080.176.047	31.626.629.905
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.606.943.422.232	5.415.139.492.276

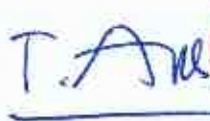
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.996.133.685.201	3.326.735.731.050
310	I. Nợ ngắn hạn		1.761.766.527.281	1.712.260.147.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	215.908.129.840	125.201.617.399
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		270.439.957	331.910.950
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	47.987.000	10.110.354.020
314	4. Phải trả người lao động		8.837.350.895	6.987.068.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	12.383.080.654	11.877.743.290
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	3.371.224.080	3.192.367.948
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	65.549.838.565	22.202.719.816
320	8. Vay ngắn hạn	22	1.440.283.959.094	1.512.533.365.523
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	12.594.597.675	18.517.030.360
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.519.919.521	1.305.969.521
330	II. Nợ dài hạn		1.234.367.157.920	1.614.475.583.861
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	45.835.022.150	46.945.637.558
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	101.090.733.507	99.062.274.095
338	3. Vay dài hạn	22	1.073.600.000.004	1.433.713.636.364
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	13.841.402.259	25.640.119.184
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	9.113.916.660
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.610.809.737.031	2.088.403.761.226
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	3.608.583.434.258	2.086.022.491.785
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.668.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		622.337.724.760	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	139.656.441.276
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		318.245.709.498	335.013.050.509
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	29.506.521.349
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		318.245.709.498	305.506.529.160
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.226.302.773	2.381.269.441
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.226.302.773	2.381.269.441
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.606.943.422.232	5.415.139.492.276



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh




Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.216.515.258.594	1.293.217.786.441
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(17.349.717)	(4.106.711.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	2.216.497.908.877	1.289.111.075.441
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(2.164.152.734.496)	(1.120.538.097.570)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.345.174.381	168.572.977.871
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	578.405.943.307	270.007.989.535
22	7. Chi phí tài chính	27	(210.765.145.796)	(34.755.728.742)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(203.210.061.587)	(19.030.934.004)
25	8. Chi phí bán hàng	28	15.050.523.622	(22.489.584.001)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(66.966.782.534)	(46.237.360.457)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		368.069.712.980	335.098.294.206
31	11. Thu nhập khác	29	2.510.129.973	3.524.130.157
32	12. Chi phí khác	29	(1.271.494.240)	(4.613.221.981)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	29	1.238.635.733	(1.089.091.824)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		369.308.348.713	334.009.202.382
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(28.502.673.222)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		369.308.348.713	305.506.529.160



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		369.308.348.713	334.009.202.382
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		20.038.794.757	31.053.806.242
03	Các khoản dự phòng		(4.255.124.586)	15.709.241.706
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(36.928.243)	(203.142.136)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(546.451.948.289)	(264.286.035.064)
06	Chi phí lãi vay	27	203.210.061.587	19.030.934.004
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.813.203.939	135.314.007.134
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(80.756.637.672)	214.271.139.612
10	Tăng hàng tồn kho		(16.099.032.607)	(30.917.827.848)
11	Tăng các khoản phải trả		124.970.366.056	15.789.469.476
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.943.779.760	(13.918.020.941)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(85.228.013.724)	(197.046.708.523)
14	Tiền lãi vay đã trả		(202.084.935.843)	(8.455.875.069)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(6.918.948.141)	(28.799.399.393)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.896.181.000)	(31.995.525.114)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(231.256.399.232)	54.241.259.334
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.365.926.713)	(75.048.218.349)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	35.001.600
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(694.100.000.000)	(55.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		386.100.000.000	486.885.120.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.681.017.285.490)	(1.668.472.430.630)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.204.627.000	74.175.835.400
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		646.328.483.957	221.827.695.293
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.321.850.101.246)	(1.015.596.996.686)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.396.625.624.760	737.100.000
33	Tiền thu từ đi vay		3.272.590.154.345	3.302.653.745.615
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.704.953.197.134)	(356.406.743.728)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(232.049.645.000)	(154.433.705.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		732.212.936.971	2.792.550.396.887
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.820.893.563.507)	1.831.194.659.535
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.952.418.381.205	121.223.651.001
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(23.862)	70.669
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	131.524.793.836	1.952.418.381.205

Người lập
Dương Việt Nga

Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn



Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 23 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 83 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 79 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	79,76%	79,76%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	65,88%	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX ("Năng lượng GELEX")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia ("GELEX Campuchia")	100%	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	70,79%	70,79%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện ("EMIC")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện
7	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam") [trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I]	72,40%	72,40%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
9	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("VIHEM")	65,37%	65,37%	Tổ 24, Thị trấn Đồng Anh, Huyện Đồng Anh, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, Khu Công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	51,35%	51,35%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty Năng lượng GELEX:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	67,93%	67,93%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	81,25%	81,25%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Năng lượng GELEX: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận") (i)	100%	100%	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
4	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Bình Thuận ("GELEX Bình Thuận") (i)	86,79%	90%	Khu biệt thự Sunny Villa, Hòn Rơm, Phường Mũi Nè, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(i) Các công ty con này chưa hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty Sotrans:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sóng Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận.
4	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức ("VTX")	84%	84%	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và vận tải đường thủy
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thanh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Sotrans: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cấn Thơ ("Đóng tàu Cấn Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cấn Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tổng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2004 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG NĂM

4.1 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty hoàn tất việc mua thêm 3,75% cổ phần của Công ty Sotrans, tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,78%.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG NĂM (tiếp theo)

4.1 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (tiếp theo)

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày mua), Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (*);
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức.

(*) Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stic Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

4.2 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam"), trước đây là Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I, thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty K.I.P Việt Nam. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty K.I.P Việt Nam thành 72,40% và theo đó, Công ty K.I.P Việt Nam trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty K.I.P Việt Nam là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000160 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần 7 số 0500447942 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2017. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty K.I.P Việt Nam là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ đóng điện.

Tổng Công ty mua Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (“Vihem”) thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vihem. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phần của Công ty Vihem (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và Công ty Vihem trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Vihem là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 5 ngày 23 tháng 11 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong kỳ của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vihem với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	914.464.456	1.163.674.666
Tiền gửi ngân hàng	130.610.329.380	306.254.706.539
Các khoản tương đương tiền	-	1.645.000.000.000
TỔNG CỘNG	131.524.793.836	1.952.418.381.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Trái phiếu (i)	233.000.000.000	233.000.000.000	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
Cổ phiếu	4.870.895.400	4.870.895.400	(1.557.575.500)	-	-	-
Ủy thác đầu tư (ii)	44.403.826.847	44.403.826.847	(2.539.782.900)	-	-	-
TỔNG CỘNG	282.274.722.247	282.274.722.247	(4.097.358.400)	197.046.708.523	197.046.708.523	-

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Khoản gốc cuối cùng của trái phiếu đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ("Công ty Hải An")	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Khoản gốc cuối cùng của trái phiếu đáo hạn vào ngày 29 tháng 8 năm 2020	9,5%	(*)
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng ("Công ty Lâm Đồng")	33.000.000.000	Kỳ hạn 4 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần. Khoản gốc cuối cùng của trái phiếu đáo hạn vào ngày 4 tháng 5 năm 2021	10,5%	(*)
	233.000.000.000			

(*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tổng Công ty phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản này.

(ii) Đây là khoản ủy thác đầu tư của Tổng Công ty cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 01/2016/HĐQLDMDT/VTBC-GELEX ký ngày 19 tháng 1 năm 2017 và các phụ lục được ký trong năm 2017, nhằm mục đích ủy thác đầu tư cổ phiếu trong vòng 1 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	14.476.932.890	70.791.784.176
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thép và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	5.763.936.875
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	3.287.884.200	3.287.884.200
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	1.334.390.618	1.486.823.745
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.090.721.197	60.253.139.356
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	234.440.160.823	92.658.489.064
TỔNG CỘNG	248.917.093.713	163.450.273.240
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.317.802.383)	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	(2.000.000.000)	4.000.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	355.000.000.000	-	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	359.000.000.000	(2.000.000.000)	6.000.000.000	-

(*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần (i)	93.000.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức được chia	10.683.305.556	(67.500.000)	2.741.704.141	-
Tạm ứng cho nhân viên	206.000.000	-	149.000.000	-
Phải thu tiền góp vốn tại GELEX Campuchia do giám vốn	-	-	4.957.327.000	-
Tạm ứng tiền thưởng Hội đồng Quản trị, ban điều hành	-	-	3.000.000.000	-
Phải thu khác	43.209.000	-	206.844.515	-
TỔNG CỘNG	103.932.514.556	(67.500.000)	11.054.875.656	-

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác

từ các bên liên quan

(Thuyết minh số 32)

Phải thu ngắn hạn khác

1.089.861.112	-	7.246.253.363	-
102.842.653.444	(67.500.000)	3.808.622.293	-

- (i) Tổng Công ty đặt cọc cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và một công ty trong lĩnh vực năng lượng, thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân này ký trong năm 2017.

10. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thép và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	1.725.103.815	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	7.422.884.200	3.466.278.580	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Nghệ An	1.016.134.480	-	-	-
Các khoản khác	1.373.729.223	-	-	-
TỔNG CỘNG	15.576.684.778	5.191.382.395	-	-

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	16.297.725.156	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	127.794.386	-	326.486.935	-
TỔNG CỘNG	16.425.519.542	-	326.486.935	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	218.151.651.278	39.195.985.380	9.996.540.909	51.914.149.390	319.258.326.957
- Tăng trong năm	500.000.000	1.310.296.976	2.296.720.000	795.437.146	4.902.454.122
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 13)	(72.579.918.546)	(7.733.504.510)	-	(34.115.454.564)	(114.428.877.620)
Số dư cuối năm	146.071.732.732	32.772.777.846	12.293.260.909	18.594.131.972	209.731.903.459
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	29.609.226.398	21.166.449.247	3.734.250.000	422.929.864	54.932.855.509
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	68.864.959.054	23.977.807.879	4.621.891.416	7.173.075.057	104.637.733.406
- Khấu hao trong năm	5.077.012.345	1.439.773.166	1.171.310.712	4.677.378.632	12.365.474.855
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 13)	(3.879.943.092)	(1.081.136.944)	-	(7.223.521.095)	(12.184.601.131)
Số dư cuối năm	70.062.028.307	24.336.444.101	5.793.202.128	4.626.932.594	104.818.607.130
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	149.286.692.224	15.218.177.501	5.374.649.493	44.741.074.333	214.620.593.551
Số dư cuối năm	76.009.704.425	8.436.333.745	6.500.058.781	13.967.199.378	104.913.296.329

Một số tài sản cố định hữu hình bao gồm Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành (phần diện tích sử dụng nội bộ), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 22.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị tính: VND		
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm (trình bày lại)	95.163.626.739	53.486.138.832	148.649.765.571
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	72.579.918.546	41.848.959.074	114.428.877.620
Số dư cuối năm	167.743.545.285	95.335.097.906	263.078.643.191
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số dư đầu năm (trình bày lại)	3.476.476.033	6.467.747.488	9.944.223.521
- Khấu hao trong năm	2.124.743.255	5.788.193.319	7.912.936.574
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 12)	3.879.943.092	8.304.658.039	12.184.601.131
Số dư cuối năm	9.481.162.380	20.560.598.846	30.041.761.226
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm (trình bày lại)	91.687.150.706	47.018.391.344	138.705.542.050
Số dư cuối năm	158.262.382.905	74.774.499.060	233.036.881.965

(*) Đây là cơ sở hạ tầng gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 22.2.

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hân	4.919.124.001	4.138.214.910
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	317.436.500
TỔNG CỘNG	4.919.124.001	4.455.651.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		5.042.632.140.092	(13.705.224.548)	6.948.945.397.972		1.971.025.617.177	-	2.821.085.860.322
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (*)	100%	1.400.000.000.000	-	1.400.000.000.000	100%	220.000.000.000	-	220.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	54,78%	1.207.900.254.098	-	968.759.648.100	(i)	-	-	-
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (iv)	79,76%	1.060.409.404.391	-	2.389.069.696.000	74,73%	484.822.695.174	-	1.085.865.792.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	70,79%	576.262.038.822	-	1.276.510.504.550	70,79%	670.662.038.822	-	670.662.038.822
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện (*)	100%	368.000.000.000	-	368.000.000.000	100%	368.000.000.000	-	368.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	65,88%	214.009.733.181	-	368.482.124.000	65,88%	214.009.733.181	-	463.026.879.500
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	72,40%	83.192.391.973	-	65.798.784.000	(ii)	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	65,37%	82.327.167.627	(12.939.625.870) (**)	62.559.090.000 (**)	(iii)	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (*)	100%	50.000.000.000	(765.598.678)	49.234.401.322	(v)	-	-	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia (*)	100%	531.150.000	-	531.150.000	100%	531.150.000	-	531.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (*)	-	-	-	-	81,25%	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		69.285.387.977	-	69.285.387.977		681.940.062.485	(14.721.860.307)	668.239.296.727
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT (*)	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	-	-	-	-	34,27%	16.777.167.627	(14.721.860.307)	16.099.560.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (*) (***)	-	-	-	-	25,50%	5.332.103.750	-	5.332.103.750
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	-	-	-	-	49,24%	36.252.566.768	-	47.152.245.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	-	-	-	-	24,93%	554.292.836.363	-	530.370.000.000
TỔNG CỘNG		5.111.917.528.069	(13.705.224.548)	7.018.230.785.949		2.652.965.679.662	(14.721.860.307)	3.489.325.157.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (*) Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá trị ghi sổ.
- (**) Tổng Công ty trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 89/2013/TT-BTC. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là giá trị thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- (***) Đã thoái vốn toàn bộ trong năm 2017.
- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 26,01% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 và theo đó, Công ty Sotrans chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty hoàn tất việc mua thêm 3,75% cổ phần của Công ty Sotrans, tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,78%.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 22,91% cổ phần) trong Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam ("K.I.P Việt Nam") vào ngày 31 tháng 5 năm 2017 và theo đó, Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.
- (iii) Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 31,1% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("Viherm") vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 và theo đó, Công ty Viherm chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.
- (iv) Tổng Công ty đã mua thêm 5,03% cổ phần của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam trong tháng 12 năm 2017.
- (v) Thành lập vào ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn liên doanh (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên kết này không đổi.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền (*)	12.209.411.176	12.743.034.340
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	5.086.514.073	8.466.491.146
Chi phí thuê đất trả trước (*)	7.195.275.780	7.392.210.744
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.725.240.243	1.862.116.454
Công cụ, dụng cụ	450.082.364	526.509.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	413.652.411	636.267.325
TỔNG CỘNG	27.080.176.047	31.626.629.905

- (*) Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền và chi phí thuê đất trả trước và là các khoản chi phí liên quan đến khu đất thuộc Khu công nghiệp Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang được thuê lại bởi Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện, công ty con của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	161.442.662.209	161.442.662.209	6.255.393.883	6.255.393.883
LS-Nikko Copper Inc.	76.560.415.519	76.560.415.519	-	-
Công ty TNHH Trung tâm Thép NSSB Sài Gòn	19.171.913.203	19.171.913.203	-	-
Phải trả đối tượng khác	65.710.333.487	65.710.333.487	6.255.393.883	6.255.393.883
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	54.465.467.631	54.465.467.631	118.946.223.516	118.946.223.516
TỔNG CỘNG	215.908.129.840	215.908.129.840	125.201.617.399	125.201.617.399

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	130.088.983.816	(130.088.983.816)	-
Thuế nhập khẩu	-	1.924.747.118	(1.924.747.118)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.918.948.141	-	(6.918.948.141)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.024.975.267	8.633.579.861	(9.610.568.128)	47.987.000
Thuế đất	1.331.784.440	8.587.397.863	(9.919.182.303)	-
Phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác	834.646.172	189.530.595	(1.024.176.767)	-
TỔNG CỘNG	10.110.354.020	149.424.239.253	(159.486.606.273)	47.987.000

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	11.700.184.679	10.575.058.935
Chi phí phải trả khác	682.895.975	1.302.684.355
TỔNG CỘNG	12.383.080.654	11.877.743.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.371.224.080	3.192.367.948
TỔNG CỘNG	3.371.224.080	3.192.367.948
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	45.835.022.150	46.945.637.558
TỔNG CỘNG	45.835.022.150	46.945.637.558

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hân - Hà Nội (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức phải trả	146.970.000	196.615.000
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Kinh phí Công đoàn	17.320.058	57.094.956
Các khoản phải trả, phải nộp khác	251.218.720	1.949.009.860
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	45.134.329.787	-
TỔNG CỘNG	65.549.838.565	22.202.719.816
Dài hạn		
Chứng quyền đặt mua (**)	90.000.000.000	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.090.733.507	9.062.274.095
TỔNG CỘNG	101.090.733.507	99.062.274.095

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hân - Hà Nội.

(**) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB") đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền (được tự do chuyển nhượng) theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 1 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số đầu năm (Trình bày lại)		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	21.1	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.939.632.515.104	(3.344.835.253.925)	747.330.626.702	747.330.626.702
Trái phiếu phát hành	21.2	-	-	299.165.833.333	-	299.165.833.333	299.165.833.333
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	21.2	360.000.000.000	360.000.000.000	360.000.000.000	(360.000.000.000)	360.000.000.000	360.000.000.000
Vay tổ chức	21.3	-	-	33.791.805.908	(4.306.849)	33.787.499.059	33.787.499.059
TỔNG CỘNG		1.512.533.365.523	1.512.533.365.523	3.632.590.154.345	(3.704.839.560.774)	1.440.283.959.094	1.440.283.959.094
Vay dài hạn							
Trái phiếu phát hành	21.2	1.433.713.636.364	1.433.713.636.364	3.200.000.004	(363.313.636.364)	1.073.600.000.004	1.073.600.000.004
TỔNG CỘNG		1.433.713.636.364	1.433.713.636.364	3.200.000.004	(363.313.636.364)	1.073.600.000.004	1.073.600.000.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	478.338.236.750	Kỳ hạn vay là 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 25 tháng 6 năm 2018	5,2% - 5,5%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	248.810.003.213	Kỳ hạn vay từ 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 15 tháng 6 năm 2018	5,2% - 7,0%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	20.182.386.739	Kỳ hạn vay là 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 28 tháng 3 năm 2018	5,9%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
TỔNG CỘNG	<u>747.330.626.702</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Trái phiếu phát hành

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Ngắn hạn						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	300.000.000.000	10,5%	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2018	-	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(834.166.667)					
TỔNG CỘNG	299.165.833.333					
Dài hạn						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (**)	1.440.000.000.000	9,3% – 9,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019	1.800.000.000.000	8,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Chi phí phát hành trái phiếu	(6.399.999.996)			(6.286.363.636)		
TỔNG CỘNG	1.433.600.000.004			1.793.713.636.364		
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	360.000.000.000			360.000.000.000		
Trái phiếu dài hạn	1.073.600.000.004			1.433.713.636.364		

(*) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 29112017/HĐĐMTP/GELEX-MIC giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội ký ngày 29 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 155 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 155 tỷ đồng.
- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20171130/HĐĐMTP/GELEX-MBCAPITAL giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ký ngày 30 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 145 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 145 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm 9.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam mà Tổng Công ty nắm giữ và các lợi ích liên quan trực tiếp đến 9.000.000 cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(**) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong ký ngày 12 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- ▶ 10.946.969 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Thibidi"), 24.242.245 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM") thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình ký ngày 6 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ 29.000.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam;
- ▶ Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land.

22.3 Vay ngắn hạn tổ chức

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	33.787.499.059	Kỳ hạn vay 3 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 15 tháng 3 năm 2018	11,7%	2.000.000 cổ phiếu CAV thuộc sở hữu của Tổng Công ty được ký quỹ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
TOTAL	33.787.499.059			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	12.594.597.675	18.517.030.360
TỔNG CỘNG	12.594.597.675	18.517.030.360
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	13.045.521.509	25.640.119.184
Dự phòng trợ cấp thôi việc	795.880.750	-
TỔNG CỘNG	13.841.402.259	25.640.119.184

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 1 đến 6 năm). Do Tổng Công ty đã chuyển giao toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện sang công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện trong năm 2016 nên Tổng Công ty không trích lập thêm dự phòng bảo hành trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số dư đầu năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	305.506.529.160	305.506.529.160
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(154.500.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	77.656.441.276	(77.656.441.276)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(2.495.000.000)	(2.495.000.000)
Số dư cuối năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785
Năm nay						
Số dư đầu năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785
- Tăng vốn trong năm (*)	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	1.385.729.724.760
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (**)	348.000.000.000	(66.378.000.000)	-	(139.656.441.276)	(141.965.558.724)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	369.308.348.713	369.308.348.713
- Chia cổ tức (***)	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(232.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	-	(12.110.131.000)	(12.110.131.000)
- Bán cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	5.025.000.000	-	-	11.633.000.000
Số dư cuối năm	2.668.000.000.000	622.337.724.760	-	-	318.245.709.498	3.608.583.434.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Dựa trên chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 1 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/GELEX/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 1 năm 2017 phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, số cổ phiếu này được góp đủ trong năm 2017 và chính thức lưu hành từ ngày 23 tháng 1 năm 2017.

(**) Theo chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017, vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và qua đó, tăng vốn điều lệ lên 2.668 tỷ VND.

(***) Theo nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tổng Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền vào ngày 19 tháng 5 năm 2017.

24.2 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	154.500.000.000
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	232.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-

24.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đăng ký phát hành	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	266.800.000	2.668.000.000.000	155.000.000	1.550.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	500.000	5.025.000.000
Cổ phiếu phổ thông	-	-	500.000	5.025.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	266.800.000	2.668.000.000.000	154.500.000	1.545.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	266.800.000	2.668.000.000.000	154.500.000	1.545.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.216.515.258.594	1.293.217.786.441
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	2.149.621.362.379	583.501.374.695
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.893.896.215	55.312.095.343
Doanh thu bán thành phẩm (*)	-	654.404.316.403
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.349.717	4.106.711.000
Doanh thu thuần	2.216.497.908.877	1.289.111.075.441
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	93.267.447.287	784.486.365.501
Doanh thu đối với các bên liên quan	2.123.230.461.590	504.624.709.940

(*) Như đề cập tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã chuyển giao toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện sang công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện trong năm 2016. Do đó, Công ty không còn nghiệp vụ bán thành phẩm trong năm 2017.

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	67.876.130.086	29.612.866.724
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	34.307.108.332	50.250.957.040
Cổ tức, lợi nhuận được chia	475.680.621.953	189.637.216.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	562.082.936	506.950.271
TỔNG CỘNG	578.405.943.307	270.007.989.535

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.129.854.248.141	577.680.018.838
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	34.298.486.355	35.929.098.624
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	506.928.980.108
TỔNG CỘNG	2.164.152.734.496	1.120.538.097.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	203.210.061.587	19.030.934.004
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	3.275.833.337	-
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.080.722.641	14.721.860.307
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	601.616.682	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	104.438.820	684.561.102
Chi phí tài chính khác	492.472.729	318.373.329
TỔNG CỘNG	210.765.145.796	34.755.728.742

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2.092.745.045
Chi phí nhân công	-	1.317.303.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.458.256.738	8.059.344.811
Chi phí bảo hành (*)	(18.517.030.360)	8.695.114.054
Chi phí bán hàng khác	8.250.000	2.325.076.429
TỔNG CỘNG	(15.050.523.622)	22.489.584.001
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.902.794.661	4.185.601.659
Chi phí nhân công	25.703.858.719	27.487.817.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.164.165.203	1.427.133.546
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.989.034.588	8.621.475.346
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.206.929.363	4.515.332.153
TỔNG CỘNG	66.966.782.534	46.237.360.457

(*) Chi phí bảo hành âm do Tổng Công ty hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành trong năm.

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.510.129.973	3.524.130.157
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.439.049.988	-
Xử lý công nợ phải trả	1.067.729.985	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	35.001.600
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	3.391.987.600
Khác	3.350.000	97.140.957
Chi phí khác	1.271.494.240	4.613.221.981
Các khoản phạt	1.271.494.240	4.135.231.423
Khác	-	477.990.558
LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẬN KHÁC	1.238.635.733	(1.089.091.824)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	2.138.218.288.625	1.102.107.044.938
Chi phí nhân công	32.138.312.169	60.542.618.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.038.794.757	31.053.806.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.104.995.826	30.103.657.362
Chi phí khác	9.568.602.031	19.650.868.509
TỔNG CỘNG	2.216.068.993.408	1.243.457.995.185

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Tổng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	369.308.348.713	334.009.202.382
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Tổng Công ty	73.861.669.743	66.801.840.476
Các khoản điều chỉnh tăng	21.270.454.648	1.205.053.248
Tài sản thuế TNDN hoàn lại về chuyển lỗ		
tính thuế chưa ghi nhận	11.418.104.193	-
Dự phòng phải thu khó đòi	2.077.060.477	-
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	6.712.447.217	-
Chi phí không được khấu trừ khác	1.062.837.989	1.205.053.248
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	4.772	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	(95.132.124.391)	(39.504.220.502)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(95.132.124.391)	(37.927.443.300)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	(40.628.427)
Chi phí đã tính thuế năm trước	-	(1.536.148.775)
Chi phí thuế TNDN	-	28.502.673.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các bản khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 57.090.520.965 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ
2017	2022	57.090.520.965	-	-	57.090.520.965
TỔNG CỘNG		57.090.520.965	-	-	57.090.520.965

(*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	1.518.059.927.334	430.814.881.551
		Góp vốn	591.920.042.550	-
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	236.740.064.000	56.165.472.000
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Góp vốn	1.180.000.000.000	220.000.000.000
		Cho vay	694.100.000.000	-
		Thu hồi gốc vay	339.100.000.000	-
		Chuyển nhượng cổ phần của GELEX ICC	13.429.000.000	-
		Lãi cho vay	2.271.384.723	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	521.160.541.458	371.053.947.950
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.244.480.513	24.378.127.500
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	495.709.050	487.090.869
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	379.847.274.370	14.100.872.300
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	172.734.845.000	65.824.025.000
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận được chia	113.699.385.773	-
		Mua hàng hóa	86.161.023.040	137.320.992.010
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.116.257.537	-
		Doanh thu bán hàng hóa	2.847.857.540	4.996.743.495
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con	Mua thêm vốn cổ phần phát hành thêm	65.550.000.000	-
		Thu hồi gốc cho vay	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.484.490.000	36.088.875.000
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam	Công ty con	Mua thêm vốn cổ phần phát hành thêm	46.939.825.205	6.123.660.000
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.490.690.000	3.470.080.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty con	Chi phí vận chuyển	1.652.400.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (*)	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình (kể từ ngày 5/7/2017)	Tất toán trái phiếu	200.000.000.000	-
		Lãi trái phiếu đã nhận	23.618.055.556	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên liên quan, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán IB phát sinh mối quan hệ là bên liên quan kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2017, khi bà Nguyễn Thị Tuyết, thành viên gia đình của ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty, được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tổng Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Năm nay, Tổng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	132.654.183.494	81.430.811.033
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Bán hàng hóa	100.478.204.961	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Bán hàng hóa	696.238.993	48.364.902
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	608.919.940	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa	-	485.617
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Bán hàng hóa	-	10.881.605.862
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	Bán hàng hóa	-	297.221.650
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.278.915	-
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Cung cấp dịch vụ	1.334.520	-
			234.440.160.823	92.658.489.064
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	355.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			355.000.000.000	2.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	1.089.861.112	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	-	2.288.926.363
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Phải thu về thu hồi góp vốn đầu tư	-	4.957.327.000
			1.089.861.112	7.246.253.363
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	53.602.059.595	43.365.078.051
Công ty TNHH Một thành viên Gelex Land	Công ty con	Mua dịch vụ	550.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Mua hàng hóa	-	74.981.795.916
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa	201.758.036	599.349.549
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam	Công ty con	Chi phí vận chuyển	111.650.000	-
			54.465.467.631	118.946.223.516
Phải trả khác (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH Một thành viên Gelex Land	Công ty con	Đặt cọc thực hiện hợp đồng	45.000.000.000	-
Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam	Công ty con	Thu hộ chi hộ	134.329.787	-
			45.134.329.787	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	9.969.021.618	9.689.278.415
TỔNG CỘNG	9.969.021.618	9.689.278.415

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	72.529.223.139	19.082.981.062
Trên 1 – 5 năm	71.636.840.670	60.076.301.927
Trên 5 năm	99.937.092.037	80.312.420.916
TỔNG CỘNG	244.103.155.846	159.471.703.905

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.353.217.427	702.183.555
Trên 1 – 5 năm	6.766.087.135	3.510.917.775
Trên 5 năm	47.053.947.546	21.890.859.979
TỔNG CỘNG	55.173.252.108	26.103.961.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

		Đơn vị tính: VND		
Mã số		Đã được trình bày trước đây	Điều chỉnh	Đã được trình bày lại
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG				
121	Chứng khoán kinh doanh (i)	-	197.046.708.523	197.046.708.523
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	242.046.708.523	(197.046.708.523)	45.000.000.000
222	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (ii)	467.908.092.528	(148.649.765.571)	319.258.326.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình (ii)	(114.581.956.927)	9.944.223.521	(104.637.733.406)
231	Nguyên giá bất động sản đầu tư (ii)	-	148.649.765.571	148.649.765.571
232	Giá trị khấu hao lũy kế bất động sản đầu tư (ii)	-	(9.944.223.521)	(9.944.223.521)
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (iii)	1.152.533.365.523	360.000.000.000	1.512.533.365.523
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	1.793.713.636.364	(360.000.000.000)	1.433.713.636.364
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG				
13	Tăng chứng khoán kinh doanh (i)	-	(197.046.708.523)	(197.046.708.523)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác (i)	(563.274.115.123)	508.274.115.123	(55.000.000.000)
24	Thu thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác (i)	798.112.526.600	(311.227.406.600)	486.885.120.000
(i) Phân loại lại các khoản trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh ngắn hạn theo chủ trương đầu tư của Tổng Công ty.				
(ii) Phân loại lại tài sản cố định của Tòa nhà Gelex Tower tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội sang bất động sản đầu tư theo tỷ lệ diện tích cho bên ngoài thuê và sử dụng nội bộ.				
(iii) Phân loại lại khoản trái phiếu phát hành đến hạn trả trong năm 2017.				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Quyết định số 498/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vào ngày 18 tháng 1 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 08/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã thông qua phương án thoái vốn khỏi Công ty K.I.P Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Ngày 28 tháng 3 năm 2018